TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đăk Hà, ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 22/11/2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng Ngân hàng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ,TỈNH KON TUM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Anh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Hưng.
2. Bà Chu Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Bé -Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST- DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng Ngân hàng* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở: Số 108 Trần Hưng Đạo, Quận K, Thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Th - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Anh T- Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C- Chi nhánh T. (Văn bản uỷ quyền thường xuyên tham gia tố tụng số: 1107/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 24/12/2018). Địa chỉ: Số 92 Trần Phú, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Pa Cheng, xã L, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt.

- Bà Đinh Thị Th, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 1, xã Ch, huyện Đ, tỉnh Ng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2019 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03 tháng 5 năm 2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C trình bày:

Ngày 21/02/2017 ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th ký kết Hợp đồng tín dụng số: 102/2017/HĐTD/NHCT510 vay số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và ngày 30/8/2017 ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th tiếp tục ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số: 479/2017/HĐCVTL/NHCT510 vay với số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*); mục đích vay để chăm sóc cà phê. Thời hạn cho vay của cả hai Hợp đồng là 12 tháng, lãi suất cho vay là 8,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng.

Đồng thời khi vay tiền, ông A và bà Th đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số: 123/HĐTC ngày 18/02/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất ngày 31/8/2017, tài sản thế chấp gồm có:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: 50, diện tích 26.676,3m^2 (*Hai mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi sáu phẩy ba mét vuông*). Địa chỉ thửa đất: Thôn Kon Teo, xã L, huyện H, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 319162 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T cấp ngày 19 tháng 01 năm 2016 mang tên ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th.

Hợp đồng thế chấp trên được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Đăng Đ huyện H, tỉnh T ngày 18/02/2016 và được đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện H, tỉnh T ngày 18/02/2016. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất ngày 31/8/2017 được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Đăng Đ huyện H, tỉnh T ngày 31/8/2017.

Nhưng khi đến hạn thanh toán ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, khoản vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) quá hạn từ ngày 21/02/2018, khoản vay 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) quá hạn từ ngày 30/8/2018. Mặc dù, Ngân hàng đã thông báo, đôn đốc ông A, bà Th trả nợ, nhưng ông, bà vẫn không chịu trả số tiền nợ gốc và tiền lãi. Trong quá trình vay vốn ông A mới trả lãi được một lần với số tiền là 19.665.000 đồng (*Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*).

Để đảm bảo quyền lợi của bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th phải trả số tiền là 594.938.842 đồng (*Năm trăm chín mươi tư triệu chín trăm ba mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi hai đồng*) tạm tính đến ngày 03/5/2019. Trong đó, nợ gốc 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 71.343.379 đồng (*Bảy mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng*), nợ lãi quá hạn là 23.595.462 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn*

bốn trăm sáu mươi hai đồng) và lãi phát sinh nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cho vay từng lần cho đến khi ông A, bà Th thi hành án xong.

- Trường hợp ông A, bà Th không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP C yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết, bà Đinh Thị Th có bản tự khai nêu rõ việc ngày 21/02/2017 vợ chồng bà ký kết Hợp đồng tín dụng số: 102/2017/HĐTD/NHCT510 để vay vốn đầu tư chăm sóc cà phê, với số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Đến ngày 30/8/2017 bà và ông A tiếp tục ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số: 479/2017/HĐCVTL/NHCT510 để vay vốn chăm sóc cà phê, với số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), thời điểm này giữa bà và ông A đã ly hôn nhưng không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng vì đang còn khoản nợ của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T, việc vợ chồng bà ly hôn cũng không thông báo cho Ngân hàng biết. Bà và ông A thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và ông A đã trả được một lần tiền lãi như Ngân hàng trình bày là hoàn toàn đúng sự thật. Do ông A ở Đăk Hà bỏ bê nương rẫy không chịu làm, dẫn đến không có nguồn thu, còn bà thì về Quảng Ngãi sinh sống làm ăn nên đến nay vẫn chưa trả nợ được cho Ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn. Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết yêu cầu ông A và bà phải trả nợ, đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà đồng ý và không có ý kiến gì, bà đề nghị Ngân hàng xử lý phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng.

Còn đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc A, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú. Sau đó, Tòa án tống đạt Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án bằng hình thức lập biên bản niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vì ông A thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, nhưng bị đơn không vẫn vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà phải ra Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi thu thập chứng cứ lấy lời khai của ông A. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, ông A khẳng định là ông sinh sống thường xuyên tại xã L, huyện H và xác nhận việc, ông và bà Th cùng ký kết hai hợp đồng tín dụng, các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng TMCP C số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) là đúng, số tiền đã được giải ngân và số tiền nợ đúng như Ngân hàng trình bày, cụ thể ngày, tháng, năm ký kết hợp đồng ông không nhớ rõ, thời hạn 12 tháng; mục đích vay để chăm sóc cà phê, 06 tháng trả lãi một lần, hết khoảng 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền lãi và ông đã trả lãi được một lần. Từ đó đến nay ông không trả, vì lý do ông và bà Th cùng ký kết vay tiền, nhưng bà Th không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nên ông không trả. Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông đề nghị Tòa

án giải quyết buộc bà Th phải có trách nhiệm liên đới với ông trong việc trả nợ cho Ngân hàng, ông đồng ý xử lý tài sản mà ông và bà Th đã thế chấp để vay tiền của Ngân hàng là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 05/11/2019 đã bị hoãn do bị đơn ông Nguyễn Ngọc A vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử vụ án vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 22/11/2019.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bảng theo dõi gốc, lãi vay của ông A, bà Th tạm tính đến ngày 22/11/2019 là: 634.991.393 đồng (*Sáu trăm ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm chín ba đồng*). Trong đó, số tiền gốc 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 74.678.322 đồng (*Bảy mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm hai mươi hai đồng*), tiền lãi quá hạn là 60.313.071 đồng (*Sáu mươi triệu ba trăm mười ba ngàn không trăm bảy mươi mốt đồng*), buộc bị đơn phải trả số tiền nợ trên và lãi phát sinh nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cho vay từng lần cho đến khi bị đơn thi hành án xong.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Th có mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn ông A vắng mặt tại phiên tòa ở cả hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án.

Phiên tòa lần này, bị đơn ông A vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán và các quy định khác liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể: Thẩm phán đã xem xét thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 68 Bộ luật tố tụng. Đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 97; 205; 206; 210; 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, giải quyết đã gửi, cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn bà Th đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc A: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày hôm nay, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Cụ thể: không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xem xét thẩm định tại chỗ theo giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù Tòa án đã cấp, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

Buộc ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/11/2019) là 634.991.393 đồng (*Sáu trăm ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm chín ba đồng*). Trong đó, số tiền gốc 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 74.678.322 đồng (*Bảy mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm hai mươi hai đồng*), tiền lãi quá hạn là 60.313.071 đồng (*Sáu mươi triệu ba trăm mười ba ngàn không trăm bảy mươi mốt đồng*) và lãi suất phát sinh theo lãi suất trong hợp đồng mà hai bên đã ký cho tới khi trả hết nợ.

Trường hợp ông A, bà Th không trả nợ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn bà Th, ý kiến của bị đơn ông A tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng dân sự:

- Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Các ngày 21/02/2017 và 30/8/2017 Ngân hàng TMCP C và ông Nguyễn Ngọc A, bà Đinh Thị Th ký kết các hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày ký. Ngân hàng TMCP C khởi kiện vụ án dân sự là vẫn còn thời hiệu.

-Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th khi ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn để chăm sóc cà phê của gia đinh; nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng Ngân hàng, là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum và áp dụng Bộ luật dân sự để giải quyết.

- Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông A vắng mặt nhưng không có ủy quyền tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

Xét, giữa Ngân hàng TMCP C-Chi nhánh T được quyền ký các hợp đồng vay vốn theo sự ủy quyền thường xuyên của Tổng giám đốc. Do đó, việc nguyên đơn với bị đơn có ký kết Hợp đồng tín dụng số:102/2017/HĐTD/NHCT510 và Hợp đồng cho vay từng lần số: 479/2017/HĐCVTL/NHCT510 là hoàn toàn phù hợp với pháp luật. Đồng thời, hai bên đã thỏa thuận về phương thức thanh toán số tiền gốc và lãi suất đã được ghi trong hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng bị đơn còn thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho nguyên đơn để đảm bảo khoản tiền vay, Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Đăng Đ huyện H, tỉnh T ngày 18/02/2016 và được đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện H, tỉnh T ngày 18/02/2016. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất ngày 31/8/2017 được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Đăng Đ huyện H, tỉnh T ngày 31/8/2017. Đến hạn thanh toán cả gốc và lãi nhưng bị đơn đã vi phạm hợp đồng, không chịu thanh toán số tiền vay theo quy định trong hợp đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 22/11/2019, tổng cộng là 634.991.393 đồng (*Sáu trăm ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm chín ba đồng*). Trong đó, số tiền gốc 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 74.678.322 đồng (*Bảy mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm hai mươi hai đồng*), tiền lãi quá hạn là 60.313.071 đồng (*Sáu mươi triệu ba trăm mười ba ngàn không trăm bảy mươi mốt đồng*) và tiếp tục tính lãi suất theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cho vay từng lần cho đến khi trả hết nợ, nếu không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị các cơ quan có thẩm quyền để xử lý nợ là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cho vay từng lần như nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật. Bởi vì, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến số nợ như: Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cho vay từng lần, giấy lĩnh tiền, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các loại giấy tờ khác có liên quan được thể hiện trong hồ sơ vụ án là đầy đủ, đúng pháp luật. Mặt khác, về phía bị đơn đã biết được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản để vay vốn với số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Xét về Hợp đồng tín dụng số:102/2017/HĐTD/NHCT510 ngày 21/02/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần số: 479/2017/HĐCVTL/NHCT510 ngày 30/8/2017, thì giữa hai bên ký kết thể hiện là hợp đồng vay vốn để chăm sóc cà phê, đều được ký kết theo trình tự, quy trình, tự nguyện và đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, nếu bị đơn không thanh toán trả nợ: Ông A và bà Th đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: 50, diện tích 26.676,3m^2 (*Hai mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi sáu phẩy ba mét vuông*). Địa chỉ thửa đất: Thôn Kon Teo, xã L, huyện H, tỉnh T mang tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 319162 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T cấp ngày 19 tháng 01 năm 2016 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 123/HĐTC ngày 18/02/2016 kèm theo hợp đồng là Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất ngày 31/8/2017 để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số: 102/2017/HĐTD/NHCT510 ngày 21/02/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần số: 479/2017/HĐCVTL/NHCT510 ngày 30/8/2017. Hợp đồng thế chấp trên và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp được công chứng hợp lệ và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên hoàn toàn hợp pháp. Các đương sự xác định tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất từ khi thế chấp đến nay không cho thuê, mượn, chuyển nhượng, không có tranh chấp với ai; hiện trạng đất và tài sản gắn liền trên đất đúng như mô tả tại Biên bản xém xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện H. Căn cứ Điều 298 Bộ luật dân sự; Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 thì việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Mặc dù, thời điểm thế chấp tài sản cho Ngân hàng ông A và bà Th là vợ chồng, sau khi thế chấp tài sản thì vợ chồng ông, bà ly hôn nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung và cũng không tự thỏa thuận phân chia tài sản, không thông báo cho Ngân hàng biết việc ông, bà đã ly hôn. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng TMCP C đề nghị xử lý tài sản thế chấp của ông A, bà Th nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và được trả lại số tiền tạm ứng án phí, tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 116; 117; 298; 317; 318; 319; 320; 321; 322; 323; 351; 352; 357; 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 90; 91; 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đề ngày 03 tháng 5 năm 2019 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03 tháng 5 năm 2019.

Buộc ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thi Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền là 634.991.393 đồng (*Sáu trăm ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm chín ba đồng*). Trong đó, số tiền gốc 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 74.678.322 đồng (*Bảy mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm hai mươi hai đồng*), tiền lãi quá hạn là 60.313.071 đồng (*Sáu mươi triệu ba trăm mười ba ngàn không trăm bảy mươi mốt đồng*) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/11/2019.

Lãi suất sẽ tiếp tục được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 102/2017/HĐTD/NHCT510 ngày 21/02/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần số: 479/2017/HĐCVTL/NHCT510 ngày 30/8/2017 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả hết số nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông A và bà Th không thực hiện thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi đối với khoản vay nêu trên thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm có:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: 50, diện tích 26.676,3m^2 (*Hai mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi sáu phẩy ba mét vuông*). Địa chỉ thửa đất: Thôn Kon Teo, xã L, huyện H, tỉnh T mang tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 319162 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T cấp ngày 19 tháng 01 năm 2016 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 123/HĐTC ngày 18/02/2016 kèm theo hợp đồng là Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp

Quyền sử dụng đất ngày 31/8/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C với ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý cho việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông A và bà Th đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán hết khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) thì ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 155, Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Tổng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*. Buộc ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th phải chịu toàn bộ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng),* nên ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Nguyễn Ngọc A và bà Đinh Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.399.656 đồng (*Hai mươi chín triệu ba trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi sáu đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 13.989.777 đồng (*Mười ba triệu chín trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000579 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2019) Nguyên đơn, bị đơn (bà Th) có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn (ông A) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh,
-VKSND huyện,
-Chi cục THADS huyện,
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh